TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TINH NINH BINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58 / 2024/ HS - ST
Ngày: 16 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung**.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thu Phương - Bí thư Đoàn thanh niên xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và ông Nguyễn Hà Giang - Phó Chủ tịch Hội cựu Chiến binh xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Cao Cường - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Phạm Xuân Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2024/TLST - HS ngày 26 tháng 7 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/ 2024/ QĐXXST- HS ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 01/2024/ TB-TA ngày 27 /8/ 2024 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 02/2024/ TB-TA ngày 09 /9/2024 đối với bị cáo:

- Họ và tên bị cáo: Nguyễn Thành T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2006 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 03 tháng 06 ngày); nơi sinh: Tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi thường trú: Phố G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (bố đẻ không xác định), con bà Nguyễn Thị P (tên gọi khác Nguyễn Thanh P); bố dượng là ông Nguyễn Văn H; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không có.

Về nhân thân: - Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 160 ngày 28/7/2022, bị Chủ tịch UBND xã K, huyện Y xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp T sản.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 35 ngày 25/02/2023, bị Công an huyện Y xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp T sản;

- Tại Bản án số 22/2023/HS-ST ngày 14/4/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản" (Thuộc trường hợp được coi là không có án tích). Ngày 21/8/2023, T chấp hành xong hình phạt.

- Tại Bản án số 69/2023/HS-ST ngày 29/11/2023, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản" (Thuộc trường hợp được coi là không có án tích).

- Tại Bản án số 49/2024/HS-ST ngày 25/6/2024, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản" (thuộc trường hợp được coi là không có án tích), tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù tại Bản án số 69/2023/HS-ST ngày 29/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa, buộc Nguyễn Thành T phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 21 tháng tù.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại trại giam số 06 - Bộ Công an, từ ngày 20/01/2024 (theo Quyết định thi hành án phạt tù số 86/2024/QĐ-CA ngày 26/7/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa) cho đến nay, bị cáo có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thành T: Bà Nguyễn Thị P (tên gọi khác Nguyễn Thanh P), sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm T, Đông M, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Thành T), có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành T:

+ Ông Nguyễn Quốc Vương - Luật sư, thuộc Công ty Luật TNHH một thành viên KS Việt Nam; địa chỉ: Số 56, ngõ 60, đường Lê Thái Tổ, phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

+ Bà Bùi Thị Thanh Tâm - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình, vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị Mến - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình, có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 2004; trú tại: Phố L, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Mai Thị Đ, sinh năm 1975; trú tại: Phố L, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Anh Vũ Quang L, sinh năm 1981; trú tại: Xóm 1B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Cháu Lê Đức H, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2007; trú tại: Phố H, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Đức H: Ông Lê Đức C, sinh năm 1972; nơi cư trú: Phố H, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành T, sinh ngày 05/10/2006, trú tại khu phố G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản". Trong thời gian chờ thi hành án, T về ở với mẹ đẻ tại xã K, huyện Y và có quen biết với anh Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 2004, trú tại phố Thị L, thị trấn Y, huyện Y. Chiều ngày 11/01/2024, anh T1 mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu

Honda Wave biển kiểm soát 35K1 - 498.85 của bà Mai Thị Đ, sinh năm 1975 (là mẹ của T1) đi đón rồi chở T đến điểm bán hoa quả của gia đình anh T1 tại đường C, thị trấn Y chơi. Tại đây, T mượn chiếc điện thoại di động Iphone XS của anh T1 để vào mạng xem Tiktok, anh T1 đồng ý và đưa điện thoại cho T mượn sử dụng. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, anh T1 rủ T đi đưa ô và hoa quả cho bà Mai Thị Đ bán hàng tại xã K, huyện Y rồi sẽ cùng nhau đi chơi. T bỏ chiếc điện thoại di động Iphone XS của anh T1 vào trong túi quần đang mặc rồi điều khiển xe mô tô 35K1 - 498.85 chở anh T1 ngồi sau bê thùng hoa quả và ô xuống xã K. Khi đến điểm bán hàng của bà Đ tại đường Quốc lộ 10 thuộc xóm 10A, xã K, T dừng xe để anh T1 bê đồ xuống cho bà Đ. Lúc này, do trời có mưa nên T nói để T đi mua áo mưa, anh T1 đồng ý và bảo T đi nhanh để về cùng nhau đi chơi. T điều khiển xe mô tô, mang theo điện thoại đã mượn của anh T1 đến khu vực ngã tư xã K mua áo mưa. Sau khi mua áo mưa, do muốn có tiền và phương tiện để đi về thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô và điện thoại di động của anh T1. T đi đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Vũ Quang L, sinh năm 1981 ở xóm 1B, xã K tháo vứt sim rồi bán chiếc điện thoại di động Iphone XS của anh T1 cho anh L được số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, T tắt điện thoại di động của mình để chặn liên lạc với anh T1 rồi điều khiển xe mô tô 35K1 - 498.85 bỏ trốn về thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Đến ngày 14/01/2024, Nguyễn Thành T bán chiếc xe mô tô 35K1 - 498.85 cho anh Lê Đức H, sinh năm 2007, trú tại phố H, thị trấn L, huyện T với giá 3.200.000 đồng. Toàn bộ số tiền có được do bán điện thoại di động và xe mô tô chiếm đoạt của anh T1, T đã sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 20/01/2024, Nguyễn Thành T bị Công an huyện T, tỉnh Thanh Hóa áp giải đi chấp hành án phạt tù.

Sau khi cho T mượn điện thoại và xe mô tô đi mua áo mưa nhưng không thấy T quay lại, anh T1 nhiều lần gọi điện cho T nhưng không liên lạc được. Ngày 29/02/2024, bà Mai Thị Đ làm đơn tố giác hành vi của T đến Công an xã K, huyện Y. Công an xã K đã tiến hành xác minh sơ bộ, thu giữ chiếc điện thoại di động Iphone XS từ anh Vũ Quang L và chiếc xe mô tô 35K1 - 498.85 tại nhà anh Lê Đức H và chuyển hồ sơ, vật chứng đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Y giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 25/3/2024, Hội đồng định giá tài sản huyện Y kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 35K1 - 498.85; số khung RLHJA3922MY281250; số máy JA39E2405440 tại thời điểm ngày 11/01/2024 có giá trị là: 7.700.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu đen, loại 64G, có số Imei 1: 357238094096570; số Imei 2: 357238093648512, không có sim, tại thời điểm ngày 11/01/2024 có giá trị là: 4.700.000 đồng.

Ngoài lần phạm tội này, ngày 16/01/2024 Nguyễn Thành T còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 25/6/2024, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt Nguyễn Thành T 12 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản".

Quá trình điều tra xác định khi bán chiếc điện thoại di động và xe mô tô cho anh L và anh H, Nguyễn Thành T đều nói điện thoại và xe mô tô là của T đã mua

trước đó; anh L, anh H không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có. Do vậy, cơ quan điều tra không xử lý đối với anh L, anh H.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã trả cho bà Mai Thị Đ chiếc xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 35K1 - 498.85, trả cho anh Nguyễn Mạnh T1 chiếc điện thoại di động Iphone XS đã thu giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Mai Thị Đ, anh Nguyễn Mạnh T1, anh Lê Đức H không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Anh Vũ Quang L yêu cầu Nguyễn Thành T phải trả lại số tiền 3.000.000 đồng, anh L đã bỏ ra để mua chiếc điện thoại của T.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thành T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Bà Mai Thị Đ và anh Nguyễn Mạnh T1 đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Thành T.

Tại bản cáo trạng số 13CT-VKSYK ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành T, ra trước Tòa án nhân dân huyện Y để xét xử về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T sản" theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cỏo Nguyễn Thành T phạm tội "Lạm dụng tớn nhiệm chiếm đoạt T sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 175; Điều 38; Điều 50; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Căn cứ Điều 55; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 103; Điều 104 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án này với hình phạt chung 21 tháng tù của Bản án số 69/2023/HS-ST ngày 29/11/2023 và Bản án số 49/2024/HS-ST ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải chấp hành hình phạt chung của các Bản án là từ 33 tháng tù đến 36 tháng tù, được trừ 05 ngày tạm giữ (từ ngày 27/8/2023 đến ngày 01/9/2023) tại Bản án số 69/2023/HS-ST ngày 29/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án là ngày 20/01/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 127; Điều 131; khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị P (tên gọi khác Nguyễn Thanh P là mẹ của bị cáo Nguyễn Thành T) về việc bà P có trách nhiệm bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cho anh Vũ Quang L thay cho bị cáo T. Bà P đã nộp đủ số tiền bồi thường 3.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất trình bày: Nhất trí với quan điểm về tội danh và tình tiết giảm nhẹ của Kiểm sát viên đưa ra, nhận thấy bị cáo là người chưa thành niên, tuổi còn trẻ nên dẫn đến vi phạm, việc truy tố, xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội và đã đảm bảo tốt các quyền của bị cáo theo quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị

hại xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 3.200.000 đồng tại Chi cục thi hành án huyện Y, để bồi thương khắc phục hậu quả cho anh Vũ Quang Lục và khoản tiền án phí, ngoài ra bị cáo có ông ngoại là thương binh 4/4 là người có công và gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 98 và Điều 101 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất mà Kiểm sát viên đã đề nghị.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình gia cháu, để cháu được hưởng sự khoan hồng của pháp luật theo mức án như người bào chữa trình bầy, để cháu có điều kiện sửa chữa sai phạm. Đồng thời bà P không yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả cho bà số tiền 3.200.000 đồng (gồm tiền bồi thường là 3.000.000 đồng và nộp án phí hình sự là 200.000 đồng).

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận bổ sung gì, nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Y, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thành T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: T và T1 là bạn, sau khi T1 chở T đến nhà chơi, T có hỏi mượn chiếc điện thoại của T1 để vào mạng xem Tiktok, T1 đồng ý và đưa điện thoại cho T, khi T đang sử dụng điện thoại thì T1 nói T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35K1 - 498.85 của gia đình T1, chở anh T1 ngồi sau bê thùng hoa quả và ô xuống khu vực thuộc xóm 10A, xã K, để cho bà Đ là mẹ T1 bán hàng, do đó T bỏ luôn điện thoại vào túi quần của mình rồi lấy xe và chở T1 đi. Trên đường đi T nấy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên khi đến nơi anh T1 xuống xe, bê hàng vào thì T nói để em "đi mua áo mua" T1 đồng ý và bảo T đi nhanh về còn đi chơi. T điều khiển xe mô tô, đi đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh L ở xã K, sau thỏa thuận T đã bán chiếc điện thoại

của anh T1 cho anh L với giá 3.000.000 đồng, rồi T điều khiển xe mô tô đi đến thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Đến ngày 14/01/2024, T bán chiếc xe mô tô 35K1 - 498.85 cho anh H ở thị trấn L, huyện T, với giá 3.200.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán tài sản, T đã chi tiêu cá nhân hết. Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 35K1 - 498.85; tại thời điểm ngày 11/01/2024 có giá trị là: 7.700.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu đen, loại 64G, không có sim, tại thời điểm ngày 11/01/2024 có giá trị là: 4.700.000 đồng.

Theo Điều 175 tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

….."

[3] Xét tính chất, mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thành T sau khi đã mượn điện thoại của anh T1 và khi được anh T1 nhờ điều khiển xe mô tô chở anh T1 bê hàng đi thì T nảy sinh và chiếm đoạt điện thoại của anh T1 và xe mô tô của bà Đ, tổng giá trị tài sản T đã chiếm đoạt là 12.400.000 đồng nên đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, bị cáo vì mục đích vụ lợi, đã bất chấp pháp luật để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi ở độ tuổi 17 tuổi 03 tháng 06 ngày là người chưa thành niên. Song bị cáo là người phát triển bình thường, tuy trong cuộc sống có thiếu thốn tình cảm của cha mẹ và sự quan tâm giáo dục của gia đình chưa được tốt, song bản thân nhận thức được tính nguy hiểm và trái pháp luật hình sự do hành vi mình thực hiện.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 14/4/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 7 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/8/2023, ngày 29/11/2023, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 25/6/2024, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tổng

hợp 09 tháng tù của bản án số 69/2023/HS-ST ngày 29/11/2023, bị cáo phải chấp hành 21 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/6/2024, được trừ đi thời gian tạm giữ và thời gian đã chấp hành án (bị cáo hiện đang chấp hành án từ ngày 20/01/2024 tại Trại giam số 6 - Bộ Công an). Nay bị cáo bị đưa ra xét xử về hành vi trước đó. Song do các lần bị kết án bị cáo đang là người dưới 18 tuổi, nên bị cáo được coi là không có án tích. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tác động để mẹ bị cáo bồi thường thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra bị cáo có ông ngoại là Nguyễn Văn H, thương binh 4/4 là người có công và gia đình có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền xác nhận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo là vị thành niên, song đã bị kết án nhiều lần về hành vi chiếm đoạt tài sản, nhưng bị cáo không lấy đó là bài học mà sau mỗi lần bị xử lý, bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Điều đó chứng tỏ bị cáo có ý thức coi thường pháp luật và không có khả năng tự cải tạo, hiện tại bị cáo đang chấp hành án, nên xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, đủ để giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội. Bị cáo là vị thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh T1 và bà Đ đã nhận lại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt nên không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Người liên quan là anh H đã bỏ ra số tiền 3.200.000 đồng, để mua chiếc xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt, anh H đã tự nguyện nộp lại cho Cơ quan điều tra, Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe này cho bà Đ, nay anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền này, đây là sự tự nguyện và quyền tự định đoạt, trong giao dịch dân sự của anh H nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

Do bị cáo chưa bồi thường cho anh L là người liên quan theo yêu cầu. Nay do bị cáo chưa đủ 18 tuổi và không có tài sản để bồi thường, do vậy theo quy định của pháp luật, thì bố mẹ phải bồi thường thay cho bị cáo, do vậy cần buộc bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ của bị cáo T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh L số tiền 3.000.000 đồng, đây là số tiền anh L đã mua chiếc điện thoại mà bị cáo T đã chiến đoạt, sau đó đã tự nguyện nộp lại và Cơ quan điều tra đã trả lại điện chiếc thoại này cho anh T1 chủ sở hữu.

Bà Nguyễn Thị P đã tự nguyện nộp số tiền 3.200.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, theo biên lai: BLTT/23 số 0001913 ngày 16/9/2024 để bồi thường và đảm bảo thi hành án về phần án phí. Do vậy cần ghi nhận sự tự nguyện của bà P để đảm bảo thi hành án.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã trả cho chủ sở hữu là bà Mai Thị Đ chiếc xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 35K1 – 498.85, trả cho anh Nguyễn Mạnh T1 chiếc điện thoại di động Iphone XS đã thu giữ là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo T là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 90; khoản 6 Điều 91; Điều 98 và khoản 1 Điều 101; Điều 104 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 127; Điều 131; khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 12 (mười hai) tháng tù, tổng hợp hình phạt của Bản án này với hình phạt chung 21 tháng tù của Bản án số 69/2023/HS-ST ngày 29/11/2023 và Bản án số 49/2024/HS-ST ngày 25/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải chấp hành hình phạt chung của các Bản án là 33 (ba mươi ba) tháng tù, được trừ 05 ngày tạm giữ (từ ngày 27/8/2023 đến ngày 01/9/2023) tại Bản án số 69/2023/HS-ST ngày 29/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án là ngày 20/01/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị P đã tự nguyện nộp số tiền 3.200.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, theo biên lai: BLTT/23 số 0001913 ngày 16/9/2024 để bồi thường cho anh Vũ Quang L thay cho bị cáo Nguyễn Thành T số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và để đảm bảo thi hành án về phần án phí.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo; Người đại diện hợp pháp, Người bào chữa; có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người bào chữa, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Y;
- Cơ quan THAHS huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; bị hại, Người bào chữa;
- Người đại diện; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Nhật Trung.